

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (2004 - 2017)

TS NGUYỄN THỊ HỒNG MAI

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một vấn đề và thách thức lớn đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, có tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống, môi trường của tất cả các quốc gia. Nhận thức rõ về những tác động của BĐKH đối với sự phát triển bền vững của đất nước, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hành động nhằm ứng phó kịp thời và hiệu quả với BĐKH.

Từ khóa: Chủ trương của Đảng; phòng chống thiên tai; biến đổi khí hậu

1 Là một trong những quốc gia đang phát triển ở vùng ven biển, Việt Nam được Tổ chức Phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) đánh giá là 1 trong 5 nước đứng đầu thế giới chịu tác động nặng nề nhất do BĐKH. Theo nghiên cứu, khảo sát của Viện Tài nguyên thế giới (WRI), Việt Nam đứng thứ 4 trong 164 quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng của lũ lụt đến nền kinh tế, làm thiệt hại 2,3% GDP mỗi năm. Tổ chức Nhân đạo quốc tế (DARA) tiến hành khảo sát về những thiệt hại kinh tế ở Việt Nam do tác động BĐKH gây ra trong năm 2010 với mức tổn thất khoảng 5% GDP, mức tổn thất này sẽ tăng lên thành 11% GDP vào năm 2030. BĐKH sẽ ảnh hưởng tới hơn 12% diện tích đất nông nghiệp và khoảng 25% dân số của Việt Nam¹.

Biến đổi khí hậu tác động tới tất cả các vùng, miền, các lĩnh vực của nước ta, trong đó vùng ven biển sẽ chịu tác động mạnh nhất của BĐKH và nước biển dâng².

Biến đổi khí hậu gây nhiều tổn thất lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, kinh tế-xã hội, tác

động xấu đến môi trường. Trong 10 năm (2001-2010), thiên tai bão và nước dâng do bão làm thiệt hại đáng kể về người và tài sản, làm chết và mất tích hơn 9.500 người, giá trị thiệt hại về tài sản ước tính chiếm khoảng 1,5% GDP/năm. Trong những năm gần đây, thời tiết có những diễn biến thất thường, thiên tai xảy ra dồn dập với tần suất và cường độ ngày càng gia tăng. Nhiều trận bão tàn phá nặng nề về người, nhà cửa, thuyền bè và mùa màng, phá hủy hàng nghìn km đê sông, đê biển, đường bờ biển, nước dâng cao và xâm nhập mặn càng sâu hơn. Trong 30 năm qua, có một nửa trong tổng số các cơn bão đổ bộ vào Việt Nam đã làm mực nước dâng cao trên 1m và có 11% số cơn bão làm mực nước biển dâng cao trên 2m. Đặc biệt, năm 2017 là năm kỷ lục về thiên tai và chưa từng được ghi nhận trong lịch sử quan trắc (diễn ra 16 cơn bão); không một vùng miền nào trên cả nước thoát khỏi sự tàn phá của thiên tai, kèm theo đó là hàng loạt các hiện tượng thời tiết cực đoan khác: nắng nóng bất thường và mưa lớn trái mùa ở miền Nam và đợt nắng nóng lịch sử ở miền

Bắc (42,5 độ C), tiếp đó Bắc Trung Bộ mưa lũ kéo dài (4-5 tháng), trong đó trận lũ quét ở Mường La (Sơn La) và lũ ống tại Mù Cang Chải (Yên Bái) để lại hậu quả lớn. Theo thống kê của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, năm 2017, số người thiệt mạng và mất tích là 386 người, 189 ngôi nhà bị sập, trên 30.800 ngôi nhà bị ngập, gần 2.000 ngôi nhà phải di dời khẩn cấp, thiệt hại về tài sản lên tới 60.000 tỷ đồng³.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng chống thiên tai, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách chủ động phòng, chống và ứng phó với BĐKH. Ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 41-NQ/TW về “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, nhấn mạnh: bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế-xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta; bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững.

Tại Đại hội XI (2011) của Đảng, vấn đề chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó có hiệu quả với BĐKH được Đảng chú trọng, coi đó là một định hướng trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 và là một trong những nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch 5 năm (2011-2015). Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động của BĐKH; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động tiêu cực của BĐKH, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, cơ sở hạ tầng nơi neo đậu tàu thuyền tránh bão, hệ thống thoát lũ, phương tiện liên lạc cứu hộ, cứu nạn

ở vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Đặc biệt, HNTU' 7 khóa XI (6-2013) ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW “Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”, trong đó nhấn mạnh: “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị; là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo”⁴.

Nghị quyết đề ra nhiệm vụ trọng tâm và mục tiêu cụ thể, phấn đấu đến năm 2020, về cơ bản, chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung, trước hết là khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và các thành phố ven biển khác; giảm mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP từ 8-10% so với năm 2010, đến năm 2050, chủ động ứng phó với BĐKH; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực.

Đại hội XII (2016) của Đảng một lần nữa nhấn mạnh chủ trương “bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu”⁵ phục vụ phát triển bền vững.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chủ động ứng phó với BĐKH. Ngày 5-12-2011, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2139/QĐ/TTg “Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu”, nêu rõ: Việt Nam coi ứng phó với BĐKH là vấn đề có ý nghĩa sống còn và là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, trong đó phát huy vai trò chủ đạo trong quản lý, điều hành của Nhà nước, nâng cao tính năng động, sáng tạo và trách nhiệm của khu vực doanh nghiệp, sự tham gia và giám sát của các đoàn thể chính trị-xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư. Trong đó chú trọng vấn đề cảnh báo sớm; giảm thiểu hại do rủi ro thiên tai; ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương; bảo vệ, phát triển bền vững rừng; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; phát triển khoa học-công nghệ tiên tiến; tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế nâng cao vị thế quốc gia trong các vấn đề về BĐKH.

Ngày 5-10-2012, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1474/QĐ-TTg “Về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020”, nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2020: tăng cường năng lực giám sát khí hậu, cảnh báo sớm thiên tai; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh về nước; chủ động ứng phó với thiên tai; chống ngập cho các thành phố lớn; củng cố đê sông, đê biển và an toàn hồ chứa; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển nền kinh tế theo hướng carbon thấp; tăng cường năng lực quản lý, hoàn thiện cơ chế chính sách về BĐKH; huy động huy động các nguồn lực và tài chính ứng phó với BĐKH; xây dựng cộng đồng thích ứng hiệu quả với BĐKH; phát triển khoa học và công nghệ làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách, đánh giá tác động, xác định các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ BĐKH; hợp tác quốc tế trong

các hoạt động về BĐKH; huy động các nguồn lực và tài chính ứng phó với BĐKH.

Ngày 23-1-2014, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP về “Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu của Chính phủ về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm giảm nhẹ tác động của BĐKH; khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên quốc gia hợp lý, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng môi trường sống và bảo đảm cân bằng sinh thái, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước mà Nghị quyết số 24-NQ/TW đề ra.

Trước những thách thức mới, Chính phủ đã có nhiều giải pháp tích cực nhằm ứng phó với BĐKH, nhất là đối với các tỉnh khu vực ĐBSCL. Tháng 9-2017, Chính phủ tiến hành hội nghị chuyển đổi mô hình phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Đây được coi là “Hội nghị Diên Hồng” cho ĐBSCL do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì, có sự tham dự của lãnh đạo các bộ, ngành, các địa phương vùng ĐBSCL, các nhà khoa học, chuyên gia các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài nước, bàn quyết sách nhằm phát triển bền vững ĐBSCL với tầm nhìn đến năm 2100.

2 Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, việc chủ động phòng chống và ứng phó với BĐKH bước đầu đạt được kết quả tích cực: Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH được bổ sung và hoàn thiện như: *Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả* (2010), *Luật Tài nguyên nước* (2012), *Luật Phòng, chống thiên tai* (2013), *Luật*

Bảo vệ môi trường (2014); *Luật Khí tượng Thủy văn* (2015). Việc chống BĐKH được lồng ghép vào *Luật Bảo vệ môi trường* và các chương trình như: Chiến lược quốc gia về quản lý môi trường biển và ven biển; Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học và BĐKH; Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; Chiến lược quốc gia về BĐKH; Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH giai đoạn 2012-2015; Kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH giai đoạn 2012-2020; Chương trình hành động quốc gia về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng cacbon rừng giai đoạn 2011-2020. Nhiều phương pháp và mô hình được nghiên cứu và ứng dụng như: xây dựng cập nhật kịch bản chi tiết BĐKH và nước biển dâng cho 28 tỉnh ven biển, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa; bản đồ nguy cơ ngập do nước biển dâng được xây dựng cho các khu vực đồng bằng, ven biển, các đảo và quần đảo, tạo cơ sở cho các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và BĐKH tại ĐBSCL được kiện toàn, các cơ quan nghiên cứu và dự báo quản lý rủi ro được thành lập. Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo và vật liệu thay thế, thân thiện với môi trường được quan tâm thực hiện. Các thành tựu của khoa học công nghệ được ứng dụng vào sản xuất ra các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường, tiêu thụ ít năng lượng, nguyên liệu nhưng cho giá trị cao. Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý cơ sở gây ô nhiễm được thực hiện tích cực.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường được thực thi. Theo kết quả điều tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường, năm 2009, đã phát hiện 244/305 cơ

sở vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Năm 2010, phát hiện 1.153 khu vực ô nhiễm môi trường ở 18 tỉnh, thành phố, trong đó có 240 khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Cuối năm 2015, đã phát hiện thêm 326 khu vực môi trường bị ô nhiễm ở 23 tỉnh, thành phố trên cả nước. Việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 75%, chất thải rắn y tế đạt 80%; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý đạt tỷ lệ 90%. Có 32 khu vực đã và đang được xử lý sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương (nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường). Có 21 khu vực thuộc 7 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như: Bắc Giang, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị được sử dụng nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015, với tổng kinh phí hỗ trợ là 126,35 tỷ đồng⁶.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng phó với BĐKH và bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế: Hệ thống các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường thiếu tính ổn định. Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội cũng như ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao. Các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức dẫn đến buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát về môi trường. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn ra ở nhiều nơi. Ô nhiễm bụi, không khí, ô nhiễm mùi, ô nhiễm ánh sáng, ô nhiễm nguồn nước ngầm, nước mặt tại các ao hồ, sông biển, ô nhiễm đất tác động xấu đến môi trường đang là vấn đề diễn ra phổ biến. Tình trạng chuyển đổi đất rừng, khai thác khoáng sản, xây dựng thủy điện, khai thác tài nguyên đa dạng sinh học đã dẫn đến thu hẹp diện tích các hệ sinh thái tự nhiên, chia cắt các sinh cảnh, suy giảm đa dạng

sinh học. Suy thoái do xâm nhập mặn, xói mòn, hoang mạc hóa xảy ra ở một số nơi, vùng ven biển⁷.

Các cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa nghiêm. Chất lượng dự báo và năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ngập úng ở một số thành phố lớn chậm được khắc phục. Sạt lở ven biển, ven sông và xâm nhập mặn, mưa lũ diễn biến ngày càng phức tạp. Việc sử dụng năng lượng tái tạo (điện sinh khối, điện gió, điện mặt trời...), việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào hoạt động ứng phó với BĐKH còn khó khăn, hiệu quả thu hút nguồn lực và khuyến khích sự tham gia của các nhà khoa học, tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp và người dân còn hạn chế. Hợp tác quốc tế về ứng phó với BĐKH còn khó khăn, phức tạp liên quan đến lợi ích trong các mối quan hệ quốc tế.

Để ứng phó chủ động, hiệu quả với BĐKH, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong xã hội ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với BĐKH, chấp hành nghiêm túc pháp luật bảo vệ môi trường. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH và bảo vệ môi trường phù hợp với quy định mới hình thành trên quy mô toàn cầu và khu vực. Tăng cường thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải gây hiệu ứng nhà kính; chuyển đổi mô hình tăng trưởng, sản xuất và tiêu dùng nhằm giảm thiểu lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính; hình thành và phát triển một số ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn thích ứng với BĐKH. Đầu tư, đổi mới công nghệ, trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo khí tượng thủy văn, bão lũ và các dạng thiên tai khác. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực BĐKH, chủ động tham gia hợp tác xây dựng các chương trình hành động, kịch bản BĐKH cho

Việt Nam, phục vụ chiến lược và kế hoạch ứng phó hiệu quả với BĐKH, nước biển dâng, góp phần phát triển bền vững kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH đã đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, từ đó rút ra được những kinh nghiệm có giá trị trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

1. Dẫn theo *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016* của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu trình Bộ Tài nguyên và Môi trường

2. Biến đổi khí hậu đe dọa nghiêm trọng đến phát triển nông nghiệp và an ninh lương thực; là nguy cơ hiện hữu thực hiện mục tiêu mục tiêu xóa đói giảm nghèo và sự phát triển bền vững của đất nước. Các tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến xói lở bờ biển, ngập úng ở vùng châu thổ diện rộng vào mùa mưa lũ, sạt lở lớn ở các vùng ven bờ trên nhiều khu vực

3. Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai năm 2017

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2013, tr: 69

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr 139

6. Xem “Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015 và định hướng Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020” của Bộ Tài nguyên và Môi trường

7. Xem “Báo cáo thực trạng và giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường” của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về bảo vệ môi trường ngày 24-8-2016.